TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 50/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 30 tháng 06 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - GIA LAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Đình K, Sinh năm: 1974; Số CCCD: 033074007174. Địa chỉ: Thôn E, xã K, tỉnh Gia Lai.

2. Bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm: 1977; Số CCCD: 064177001397; Địa chỉ: Thôn E, xã K, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình K, sinh năm: 1974 và bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm: 1977 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 22/6/1999 tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã K, tỉnh Gia Lai).

Nay, ông Trần Đình K và bà Đỗ Thị Kim L đều nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau trong một khoảng thời gian dài. Vì những nguyên nhân đó nên ông Trần Đình K và bà Đỗ Thị Kim L thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Trần Đình K và bà Đỗ Thị Kim L 03 con chung là Trần Đình D, sinh ngày 20/6/1998, Trần Đình L1, sinh ngày 20/7/2000 và Trần Thị Kim P, sinh ngày 24/01/2006. Hiện 03 con chung đã trưởng thành và tự lập nên ông K, bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Trần Đình K và bà Đỗ Thị Kim L không yêu cầu giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình K, sinh năm: 1974 và bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm: 1977 thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Trần Đình K và bà Đỗ Thị Kim L 03 con chung là Trần Đình D, sinh ngày 20/6/1998, Trần Đình L1, sinh ngày 20/7/2000 và Trần Thị Kim P, sinh ngày 24/01/2006. Hiện 03 con chung đã trưởng thành và tự lập nên ông K, bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Trần Đình K và bà Đỗ Thị Kim L không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Trần Đình K và bà Đỗ Thị Kim L mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005414 ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Ông Trần Đình K và bà Đỗ Thị Kim L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 10 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 10 – Gia Lai;
- UBND xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai (GCNKH do UBND xã Nam Yang, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai cấp số 09, quyển số: I, ngày 22/06/1999);
- Lưu VP, hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Rmah HThuyên